HA - Đo HA

- P.túi: AS túi khí
- P.max: AS thủy tĩnh max (T.thu)
- P.min: AS thủy tĩnh min (T.trương)

Note: chỉ số AS trên khí áp kế thực chất là P.túi - P.khí quyển

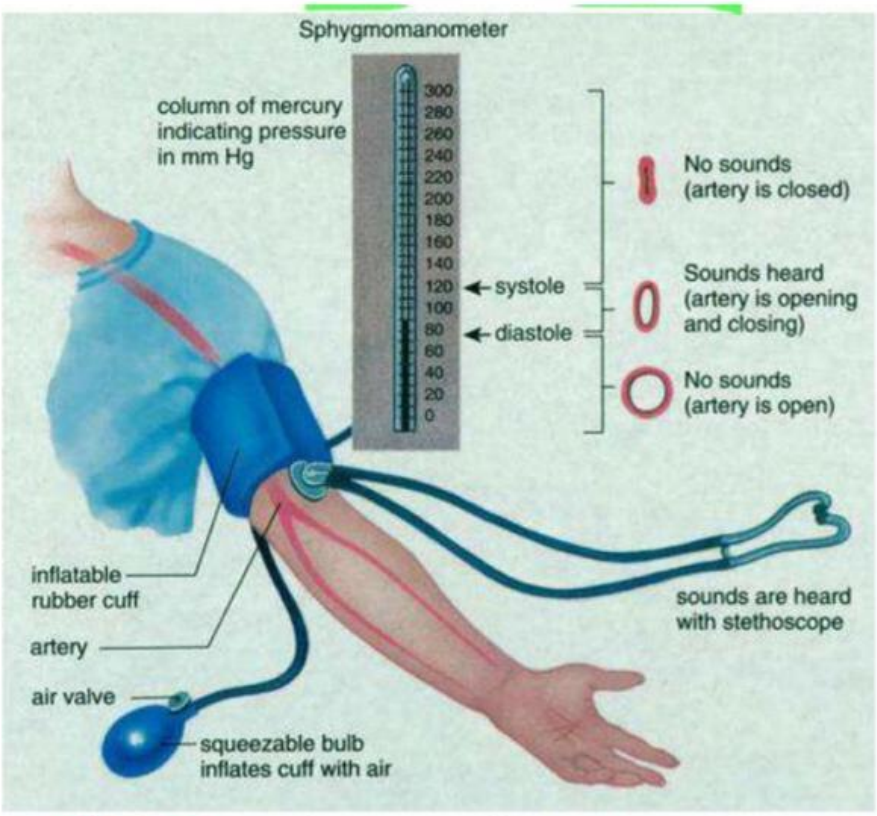

P.túi > P.max > P.min
- ĐM: bị ép chặt
- Máu: không chảy được
- Nghe: không thấy gì

--mở van, xả bớt khí trong túi--

P.max > **P.túi** > P.min
- ĐM: được hé ra, lúc đóng lúc mở
- Máu: chảy mạnh, xoáy qua khe hẹp, ngắt quãng
- Nghe: thấy
- P.túi đo được khi bắt đầu nghe thấy = P.max

--tiếp tục xả khí--

P.max > P.min > **P.túi**
- ĐM: mở hết cỡ
- Máu: chảy thành lớp, liên tục
- Nghe: không thấy nữa
- P.túi đo được khi bắt đầu không nghe thấy = P.min

TLT
- độ giãn thành mạch
- bán kính lòng mạch

120/80 thực chất là AS gì?

- Tâm thu:
  - P.blood = 880 mmHg
  - → Mạch: dãn ra
  - → P.elastic = 120 mmHg
- Tâm trương
  - P.blood = 840 mmHg
  - → Mạch: co lại
  - → P.elastic = 80 mmHg

Trạng thái cân bằng:

$P_{Blood} = P_{atm} + P_{elastic}$

880 mmHg = 760 mmHg + 120 mmHg

LIVEWORKSHEETS